

UNIT 7

MOVIES (PHIM ẢNH)

A. NGỮ PHÁP (GRAMMAR)

I. Giới từ chỉ thời gian (*Prepositions of time*)

Ta dùng giới từ chỉ thời gian để nói sự việc gì đó xảy ra khi nào.

- Dùng giới từ *at* với các giờ cụ thể. Ngoài ra còn có: *at noon, at dinnertime, at lunchtime, at sunrise, at sunset, at the moment, at present, at night, at midnight, at Christmas, at the same time...*

VÍ DỤ:

I often leave home for school at 6 o'clock.

(Tôi thường rời nhà để đi học lúc 6 giờ.)

- Dùng *in* với tháng, mùa, năm, thế kỷ hoặc khoảng thời gian lâu hơn.

VÍ DỤ:

They start to show this film in July.

(Họ bắt đầu chiếu phim này trong tháng 7.)

Most flowers bloom in spring.

(Phần lớn các loài hoa nở vào mùa xuân.)

- Dùng *on* với các ngày trong tuần, ngày tháng và một số ngày khác như *Christmas Day, Independent Day, birthday, New Year's Eve...*

VÍ DỤ:

She's going to the cinema on Sunday.

(Cô ấy định đi xem phim vào ngày Chủ nhật.)

* Lưu ý:

- Ta dùng *in the morning, in the afternoon...* nhưng *on Monday morning, on Monday afternoon...*

- Ta có thể dùng cả hai *at the weekend* hoặc *on the weekend*.

II. Thì quá khứ đơn với động từ *be* (*Past simple with be*)

Thì quá khứ đơn được dùng để diễn tả một hành động, sự việc, hiện tượng đã xảy ra và kết thúc trong quá khứ.

1. Công thức

a. Thể khẳng định (*Positive form*)

I/He/She/It + was We/You/They + were

VÍ DỤ:

He was in the teacher's room fifteen minutes ago.

(Bạn ấy ở trong phòng giáo viên cách đây 15 phút.)

b. Thể phủ định (*Negative form*)

I/He/She/It + was not We/You/They + were not

was not = wasn't, were not = weren't

VÍ DỤ:

We weren't at home last night.

(Chúng tôi không ở nhà tối qua.)

c. Thể nghi vấn (*Question form*)

Was + I/he/she/it? Were + we/you/they?

Trả lời "Yes":

Yes, I/he/she/it + was.

Yes, we/you/they + were.

Trả lời "No":

No, I/he/she/it + wasn't.

No, we/you/they + weren't.

VÍ DỤ:

Were you in the classroom some minutes ago? - Yes, we were.

(Các bạn ở trong phòng học cách đây vài phút phải không? - Vâng, đúng vậy.)

